

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/DS-PT
Ngày: 28/03/2024
“V/v tranh chấp hợp đồng góp hui và
hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ứng;

Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Dương và ông Nguyễn Hồng Chương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Vinh – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Mừng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 tháng 03 năm 2024 và ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2023/TLPT-DS, ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hui và hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2023/DS-ST ngày 26/09/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’Lấp, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 18/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 1 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 31/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 2 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 04/2024/QĐPT-DS ngày 05 tháng 3 năm 2024. Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Nguyễn Kim C, sinh năm 1981, địa chỉ: Thôn TT, xã ĐR, huyện ĐL, tỉnh Đắk Nông.- vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trương Ngọc T1, sinh năm 1954, địa chỉ: Thôn TB, xã ĐR, huyện ĐL, tỉnh Đắk Nông.- có mặt

- Bị đơn: Bà Phan Thị Phương T, sinh năm 1983, địa chỉ: Thôn A, xã ĐR, huyện ĐL, tỉnh Đắk Nông.- có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T2, địa chỉ: Tổ 2, phường NT, thành phố GN, tỉnh Đắk Nông.- có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Quốc M, sinh năm 1969, địa chỉ: Thôn A, xã ĐR, huyện DL, tỉnh Đắk Nông.- vắng mặt.

Ông Trương Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1980, địa chỉ: Thôn TT, xã ĐR, huyện DL, tỉnh Đắk Nông.- vắng mặt.

Do có kháng cáo của bà Huỳnh Nguyễn Kim C là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Huỳnh Nguyễn Kim C trình bày:

Bà và bà Phan Thị Phương T có tham gia chơi hội với nhau, bà C đã góp hội cho bà T 04 chân hội cụ thể: Chân hội thứ nhất mỗi tháng góp 1.700.000 đồng bốc thăm vào ngày 28/8/2021 hàng tháng. Bà C đã đóng hội cho bà T 12 tháng tổng cộng là 24.000.000 đồng; Chân hội thứ hai mỗi tháng góp 1.700.000 đồng bốc thăm vào ngày 23/10/2021 hàng tháng. Bà C đã đóng hội cho bà T 10 tháng, tổng cộng là 17.000.000 đồng; Chân hội thứ ba mỗi tháng góp 2.700.000 đồng, bốc thăm vào ngày 20/01/2022 hàng tháng. Bà C đã đóng hội cho bà T 7 tháng, tổng cộng là 18.000.000 đồng và chân hội thứ tư mỗi tháng góp 1.600.000 đồng bốc thăm vào ngày 02/4/2022 hàng tháng. Bà C đã đóng hội cho bà T 3 tháng, tổng cộng là 4.800.000 đồng.

Tổng cộng 04 chân hội bà C đã góp cho bà T là 63.800.000 đồng. Tính trả tiền góp cả lãi là 7.200.000 đồng. Tổng số tiền bà C yêu cầu bà T phải trả tổng số tiền hội là 71.000.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 31/12/2022 bà Huỳnh Nguyễn Kim C cho bà Phan Thị Phương T vay số tiền 70.000.000 đồng, bà T đã trả 20.000.000 đồng, còn nợ 50.000.000 đồng.

Khi góp hội và vay tiền, giữa bà Huỳnh Nguyễn Kim C với bà Phan Thị Phương T không viết giấy tờ gì chỉ nhắn qua điện thoại. Do gặp khó khăn bà đề nghị hốt hội và yêu cầu trả nợ nêu trên nhưng bà T không đồng ý. Do vậy, nay bà khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị Phương T phải trả số tiền hội đã góp là 71.000.000 đồng và số tiền vay 50.000.000 đồng, tổng cộng là 121.000.000 đồng.

Bị đơn bà Phan Thị Phương T trình bày: Bà C có góp hội cho bà T 03 chân hội cụ thể: Chân hội thứ nhất từ ngày 23/10/2021 đến ngày 23/6/2022, bà C đã góp hội cho bà T được 09 tháng (có tháng góp ít, góp nhiều), tổng số tiền là 14.600.000 đồng; Chân hội thứ hai từ ngày 20/01/2021 đến ngày 20/6/2021, bà C góp hội cho bà T được 06 tháng (có tháng góp ít, góp nhiều), tổng số tiền là 14.440.000 đồng và chân hội thứ ba từ ngày 02/4/2021 đến ngày 20/7/2021, bà C đã góp hội cho bà T được 04 tháng (có tháng góp ít, góp nhiều), tổng số tiền là 6.390.000 đồng. Tổng cộng 03 chân hội bà Huỳnh Nguyễn Kim C đã góp hội cho bà Phan Thị Phương T được 35.430.000 đồng.

Ngoài ra bà T thừa nhận còn vay bà C số tiền 70.000.000 đồng vào ngày 31/12/2021. Khi vay hai bên không làm giấy vay và cũng không có ai chứng kiến. Ngày 03/01/2022, bà T đã trả cho bà C 20.000.000 đồng, ngày 07/5/2022, bà T đã

trả cho bà C 50.000.000 đồng. Hai lần trả nợ đều trả bằng tiền mặt nhưng không làm giấy tờ gì và cũng không có ai làm chứng nhưng có tin nhắn qua điện thoại giữa bà T và bà C về việc bà C đã lấy 70.000.000 đồng của bà T.

Bà cho rằng việc bà Huỳnh Nguyễn Kim C khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 121.000.000 đồng, trong đó 71.000.000 đồng tiền góp hui và 50.000.000 đồng là không đúng. Bà chỉ chấp nhận trả cho bà C số tiền 35.430.000 đồng góp hui, còn số tiền vay 70.000.000 đồng thì bà đã trả nợ cho bà C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Nguyễn Ngọc Vinh trình bày: Anh với bà Huỳnh Nguyễn Kim C là vợ chồng, anh thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của chị C, không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quốc Minh trình bày: Giữa bà Huỳnh Nguyễn Kim C và bà Phan Thị Phương T có tham gia chơi hui với nhau như thế nào thì anh Minh không biết. Anh Minh có nghe vợ là bà T nói lại là có vay của bà C số tiền 70.000.000 đồng nhưng đã trả **hết**.

Tại *Bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2023/DS-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 47, Điều 161, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 288, Điều 471, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Điều 24, khoản 3 Điều 28, khoản 2 Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hui, họ, biểu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Nguyễn Kim C đối với bị đơn chị Phan Thị Phương T

Buộc chị Phan Thị Phương T phải trả cho chị Huỳnh Nguyễn Kim C và ông Trương Nguyễn Ngọc Vinh số tiền góp hui là 35.430.000 đồng (ba mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Nguyễn Kim C đối với số tiền góp hui 35.570.000 đồng (ba mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng) và số tiền vay 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/09/2023, bà Huỳnh Nguyễn Kim C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm vì cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Các bên đương sự không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Huỳnh Nguyễn Kim C, sửa một phần bản án sơ thẩm số: 59/2023/DS-ST ngày 26/09/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền vay tài sản là 50.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền góp 4 chân hụi là 71.000.000 đồng và số tiền 50.000.000 đồng tiền vay mượn giữa hai bên. Nội dung đơn khởi kiện nguyên đơn trình bày việc góp hụi và vay tiền hai bên không viết giấy tờ gì chỉ nhắn tin qua điện thoại. Quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn cho rằng trước khi khởi kiện, nguyên đơn đã có đơn tố cáo bị đơn tại cơ quan công an xã ĐR, huyện ĐL và Công an xã đã tiến hành lập biên bản làm việc giữa các bên, nội dung biên bản phía bị đơn thừa nhận nguyên đơn có chơi 4 chân hụi với tổng số tiền hụi đã góp là 71.000.000 đồng. Do Công an xã ĐR không cung cấp cho nguyên đơn biên bản này nên không cung cấp được cho Tòa án và đã đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm thu thập.

Lẽ ra, trong trường hợp này Thẩm phán phải căn cứ khoản 1 Điều 96 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng dân sự để có biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ này theo đúng quy định của pháp luật mới đảm bảo giải quyết vụ án toàn diện, khách quan và chính xác. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án, dẫn đến vụ án này Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm phải quyết định tạm ngừng phiên tòa để khắc phục vấn đề này. Rõ ràng, Thẩm phán đã không thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 198 Bộ luật tố tụng dân sự, nên cấp phúc thẩm cần nêu ra để rút kinh nghiệm.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu kháng cáo:

[2.1]. *Đối với yêu cầu khởi kiện trả số tiền góp 4 chân hụi là 71.000.000 đồng:* Các đương sự đều khai thống nhất việc chơi hụi và số tiền góp hụi giữa các bên không viết giấy tờ gì. Kết quả xác minh và thu thập biên bản ghi lời khai tại Công an xã ĐR vào ngày 18 tháng 10 năm 2022 theo yêu cầu của nguyên đơn, nhận thấy: Tại biên bản ghi lời khai bà T thừa nhận bà là chủ của 3 chân hụi, cụ thể như sau: “*Dây hụi hót vào ngày 23 hàng tháng âm lịch, mỗi người đóng khoảng 2.000.000 đồng/ tháng; Dây hụi hót ngày 20 hàng tháng âm lịch, mỗi*

người đóng khoảng 3.000.000 đồng/ tháng và Dây hụi hốt ngày 02 háng tháng âm lịch, mỗi người đóng khoảng 1.700.000 đồng/ tháng'. Như vậy, biên bản ghi lời khai không có nội dung nào thể hiện bà T thừa nhận bà C tham gia 4 chân hụi với số tiền đã góp là 71.000.000 đồng như bà C trình bày.

Quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn chỉ thừa nhận nguyên đơn tham gia 3 chân hụi và số tiền đã góp cho bị đơn là 35.430.000 đồng, phía nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn số tiền 71.000.000 đồng. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền hụi đã góp là 35.430.000 đồng theo sự thừa nhận của bị đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2]. *Đối với yêu cầu khởi kiện số tiền vay 50.000.000 đồng*: Mặc dù, nguyên đơn không cung cấp giấy vay số tiền 70.000.000 đồng để làm căn cứ cho việc khởi kiện của mình. Tuy nhiên, lời khai của bị đơn đã thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền 70.000.000 đồng vào ngày 31/12/2021. Như vậy, nguyên đơn không phải có nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn cho rằng đã trả hết nợ cho nguyên đơn, cụ thể: Ngày 03/01/2022 đã trả 20.000.000 đồng và ngày 07/5/2022 đã trả 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, phía nguyên đơn chỉ thừa nhận bị đơn đã trả số tiền 20.000.000 đồng, nên phía bị đơn phải có nghĩa vụ cung cấp được chứng cứ để chứng minh số tiền 50.000.000 đồng đã trả cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do phía bị đơn không đưa ra được chứng cứ để chứng minh nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định cho rằng nguyên đơn phải có nghĩa vụ chứng minh số tiền 50.000.000 đồng bị đơn chưa trả để bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có sự nhầm lẫn trong việc áp dụng pháp luật.

[2.3]. Về ý kiến của người kháng cáo cho rằng quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục về thu thập tài liệu chứng cứ dẫn đến ra phán quyết không đúng quy định của pháp luật nên đề nghị hủy án sơ thẩm là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi, mặc dù cấp sơ thẩm có thiếu sót trong việc thu thập tài liệu, chứng cứ và đánh giá chứng cứ như đã nhận định nêu trên nhưng nội dung này đã được cấp phúc thẩm đã khắc phục.

[2.4]. Từ những nhận định, phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bà Huỳnh Nguyễn Kim C, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền vay 50.000.000 đồng theo quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[3]. Về án phí:

[3.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Nguyễn Kim C được chấp nhận một phần nên bà Phan Thị Phương T phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho bà C là $(35.430.000 \text{ đồng} + 50.000.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 4.271.500 \text{ đồng}$.

Bà Huỳnh Nguyễn Kim C phải chịu án phí đối với phần không được chấp nhận là $35.570.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.778.500 \text{ đồng}$, được khấu trừ vào số tiền 3.025.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp. Trả lại cho bà Huỳnh Nguyễn Kim C 1.246.500 đồng.

[3.1]. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án dân sự phúc thẩm đã nộp.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Huỳnh Thị Kim C, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2023/DS-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

Căn cứ Điều 147, Điều 148 và khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim C: Buộc bà Phan Thị Phương T phải trả cho bà Huỳnh Thị Kim C tổng số tiền 85.430.000 đồng (*tám mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng*), trong đó tiền góp hui là 35.430.000 đồng, tiền vay là 50.000.000 đồng.

Áp dụng Điều 357 của Bộ luật Dân sự tính lãi suất chậm trả tiền theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Nguyễn Kim C về việc yêu cầu bà Phan Thị Phương T trả số tiền góp hui là 35.570.000 đồng (*ba mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng*).

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Nguyễn Kim C được chấp nhận một phần nên bà Phan Thị Phương T phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho bà C là $(35.430.000 \text{ đồng} + 50.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 4.271.500 \text{ đồng}$ (*bốn triệu hai trăm bảy mươi một nghìn năm trăm đồng*).

Bà Huỳnh Nguyễn Kim C phải chịu án phí đối với phần không được chấp nhận là $35.570.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.778.500 \text{ đồng}$, được khấu trừ vào số tiền 3.025.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số X ngày 20/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Đắk Nông. Trả lại cho bà Huỳnh Nguyễn Kim C 1.246.500 đồng (*một triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm đồng*).

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà Huỳnh Nguyễn Kim C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho bà C 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số X1 ngày 13 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục thi hành án huyện Y, tỉnh Đắk Nông.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Ứng

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đắk Glong;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Ứng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Chương

Nguyễn Tài Sử

Nguyễn Anh Ứng